

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST  
Ngày: 17 – 8 – 2022  
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Quý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Minh Đức

2. Ông Trần Quang Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm: 1969 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 9/2 X, phường S, quận I, thành phố Cần Thơ.

(*Địa chỉ cũ: Khu vực E, phường Y, quận O, thành phố Cần Thơ*).

*- Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1985 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 313E J, khu vực 4, phường Q, quận I, thành phố Cần Thơ.

(*Văn bản ủy quyền số 03 công chứng 1903, quyển số 2 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2020*)

*2. Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm: 1966 (*có mặt*)

Địa chỉ: 156/G2 A, khóm 2, phường 9, thành phố G, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Số 7/14 R, phường Y, quận Y, Tp. Cần Thơ.

*- Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông **Trần Văn Á**, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số 116A K, phường B, quận I, Tp. Cần Thơ.

(Văn bản ủy quyền số công chứng 1656, quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2021).

3. Người làm chứng: Ông Hồ Văn C, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 15/L29, khu dân cư 6, khu vực 5, phường Y, quận Y, Tp. Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Nguyên trước đây, bà Nguyễn Thị Kim X có vay của ông Nguyễn Văn U số tiền 600.000.000 đồng có làm biên nhận nợ và có ông Hồ Văn C là người làm chứng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (thỏa thuận miệng) và có thỏa thuận trả lãi đầy đủ vào ngày 04/01/2020, thời hạn vay từ 06 tháng đến 08 tháng. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay bà X không trả tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận; ông U đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X cố tình tránh né, không hợp tác và không trả nợ.

Nay ông Nguyễn Văn U khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim X trả nợ vay với số tiền 600.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật (1,6%/tháng). Tính đến ngày khởi kiện số tiền lãi là 249.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Bà không có vay tiền của ông Nguyễn Văn U. Vào khoảng năm 2020, ông Nguyễn Văn U có đến làm quen với gia đình bà và thường X qua lại. Ông U giới thiệu là người kinh doanh bất động sản và chồng bà tên Võ Trung Việt có nhu cầu bán đất nên ông U kêu chồng bà ký giấy ủy quyền sang tên cho ông U để ông U bán dùm, giá cao. Tin lời nên chồng bà đã ký giấy ủy quyền và ông Nguyễn Văn U đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bà với với ông Võ Trung Việt chung sống khoảng 10 năm nhưng chỉ qua lại với nhau, không chính thức là vợ chồng nên ông Nguyễn Văn U kêu bà ký giấy nhận nợ để khi bán được đất cho ông Võ Trung Việt thì sẽ đưa giấy nhận nợ để ông Việt thanh toán lại tiền nợ và sẽ đưa lại cho bà. Tin lời nên bà đã ký giấy nhận nợ với ông Nguyễn Văn U nhận nợ với số tiền 600.000.000 đồng tại quán cà phê, có người làm chứng là người thân của ông U tên Hồ Văn C cùng ký tên nhưng thực tế bà không có vay và nhận tiền của ông Nguyễn Văn U. Sau đó, bà có yêu cầu ông Nguyễn Văn U hủy giấy nhận nợ nhưng ông U không hủy mà khởi kiện bà.

Do bà không có vay tiền của ông Nguyễn Văn U nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn U.

Khi phát hiện bị ông Nguyễn Văn U lừa dối, bà và ông Võ Trung Việt có báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ giải quyết. Do đó, bà yêu cầu thu thập chứng cứ là các biên bản làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, nơi đã tiếp nhận tin báo giải quyết. Đồng thời, yêu cầu được đối chất với ông Nguyễn Văn U và ông Hồ Văn C.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và người đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Minh Thi vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim X trả lại khoản tiền đã vay với số tiền 600.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 04/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/8/2022) theo quy định của pháp luật với số tiền 146.400.000 đồng.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn. Phía bị đơn thừa nhận là người viết giấy nhận nợ và ký tên nhưng thực tế là không có vay tiền như nguyên đơn trình bày; mặt khác, phía nguyên đơn cũng không chứng minh được phía bị đơn đã nhận tiền vì không có biên nhận nhận tiền; giấy nhận nợ không thể hiện ngày tháng năm vay mà chỉ có ngày trả tiền lãi nên không có căn cứ để chứng minh bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng, ông Hồ Văn C cam đoan trình bày đúng sự thật những gì đã biết và chứng kiến. Ông không có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng nội dung giấy nhận nợ do bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X đọc lại cho ông nghe và ông đồng ý ký tên; ông vẫn giữ nội dung đã trình bày được ghi nhận có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và hồ sơ vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền đã vay và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm; bị đơn thừa nhận có ký giấy nhận nợ với số tiền 600.000.000 đồng nhưng không thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn. Nhận thấy, bị đơn thừa nhận ký giấy nhận nợ là phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn không thừa nhận có nhận tiền nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X trả cho nguyên đơn khoản tiền đã vay theo giấy nhận nợ với số tiền 600.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 146.400.000 đồng là phù hợp.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U có cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X vay tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U có đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu thu thập chứng cứ là các biên bản làm việc tại Cơ quan điều tra; tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 18/3/2022, Tòa án đã ấn định thời gian 15 ngày để bị đơn bổ sung chứng cứ cũng như làm thủ tục yêu cầu thu thập chứng cứ nhưng bị đơn không thực hiện; Tòa án đã tiến hành cho đối chất giữa nguyên đơn với bị đơn vào ngày 24/6/2022 theo yêu cầu của bị đơn; tại biên bản làm việc ngày 24/6/2022, bị đơn cam kết cung cấp chứng cứ thu thập được tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ trước khi Tòa án mở phiên tòa. Mặt khác, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì “yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nếu đương sự không thể thu thập tài liệu chứng cứ”; theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “...đương sự phải làm đơn ghi rõ vấn đề cần chứng minh; tài liệu, chứng cứ cần thu thập; lý do mình không tự thu thập được...”. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nhưng không nêu rõ lý do không tự thu thập được chứng cứ và không nêu được cụ thể chứng cứ cần thu thập nên Tòa án không có căn cứ để thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn. Tại phiên tòa, bị đơn không yêu cầu thu thập chứng cứ và không bổ sung thêm chứng cứ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U khởi kiện kèm theo chứng cứ là biên nhận nợ viết tay với số tiền 600.000.000 đồng; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X thừa nhận biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết nhưng bị đơn không thừa nhận có nhận tiền vay của nguyên đơn; lời thừa nhận của bị đơn là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng là ông Hồ Văn C.

Bị đơn trình bày chỉ ký biên nhận nợ nhưng không có nhận tiền là không có căn cứ, bởi lẽ: Nơi ký biên nhận nợ theo sự thừa nhận của các bên là tại quán cà phê, có người làm chứng và cũng không thể hiện có sự ép buộc của nguyên đơn; bị đơn cho rằng nguyên đơn không chứng minh được, không cung cấp được biên nhận nhận tiền nên không thể hiện bị đơn đã nhận tiền là không phù hợp vì giấy tay mà nguyên đơn cung cấp là giấy nhận nợ do bị đơn viết, nội dung giấy nhận nợ thể hiện cụ thể số tiền bị đơn nhận nợ là 600.000.000 đồng, ngày trả lãi và thời hạn là 06 tháng đến 08 tháng; bị đơn còn thừa nhận nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn đòi tiền dẫn đến cơ quan chức năng phải đến can thiệp giải quyết.

Từ những phân tích trên cho thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X trả lại số tiền 600.000.000 đồng theo giấy nhận nợ là có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X trả khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo giấy nhận nợ không thể

hiện ngày tháng năm nhưng có thỏa thuận ngày trả tiền lãi là ngày 04/01/2020 nhưng không thỏa thuận khoản tiền lãi cũng như lãi suất cụ thể và bị đơn cũng thừa nhận không có trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/02/2020 là phù hợp; nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/8/2022) với số tiền 146.400.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn U số tiền 600.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 146.400.000 đồng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn U tổng số tiền 746.400.000 đồng (trong đó, tiền vốn vay 600.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 146.400.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X phải nộp 33.856.000 đồng (*ba mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) án phí.

Nguyên đơn ông Lê Văn U được nhận lại 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004881 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Quý**